

Bản án số: 71/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 15/6/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Kim Châu Hồ;
2. Bà Châu Hồng Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1978; thường trú: Đội 1, xã L, huyện T, tỉnh Q; tạm trú: 3B/5A khu phố N, phường D1, thị xã D, tỉnh B, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Sỹ L, sinh năm 1978; thường trú: Xóm 4, xã N, huyện Q, tỉnh N; tạm trú: 3B/5A khu phố N, phường D1, thị xã D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Hồ Sỹ L sau thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 08 tháng thì về chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Q vào ngày 02/11/2010 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 quyển số 01 -2010). Năm 2015 anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh L sống không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, sống không có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp chị H về kinh tế để nuôi con, thậm chí con hiện đang học lớp mấy anh L cũng không biết. Khi chị H nhắc nhở thì anh L không nghe nên vợ chồng thường xuyên gây gổ. Mặc dù, chị H đã nhiều lần cho anh L cơ hội và cha mẹ hai bên

hòa giải nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh L nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Hồ Sỹ H1, sinh ngày 05/8/2011. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hồ Sỹ L: Quá trình tố tụng, anh Hồ Sỹ L đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/4/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 29/5/2018 và ngày 15/6/2018 nhưng anh Hồ Sỹ L vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu H.

- Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã D tại Hội liên hiệp phụ nữ phường D1, thị xã D thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường D1 không nhận được đơn hay yêu cầu hòa giải về tình trạng hôn nhân của chị Phạm Thị Thu H và anh Hồ Sỹ L nên không biết được giữa hai anh chị có mâu thuẫn gì, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ đâu.

- Tại phiếu trả lời kết quả xác minh của Công an phường D1 ngày 21/8/2017 thể hiện: Anh Hồ Sỹ L có đăng ký tạm trú tại số nhà 3B/5A khu phố N, phường D1, thị xã D, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân, chị H và anh L có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng, anh L không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai và chứng cứ về quan hệ hôn nhân nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh L là trầm trọng, chị H có yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, căn cứ vào lời khai của cháu Hồ Sỹ H1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, anh L vắng mặt, không trình bày ý kiến nên yêu cầu của chị H về vấn đề nuôi dưỡng con chung là có căn cứ. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Chị Phạm Thị Thu H khởi kiện anh Hồ Sỹ L yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Hồ Sỹ L có nơi cư trú tại

phường D1, thị xã D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Hồ Sỹ L để tham gia phiên tòa vào các ngày 29/5/2018 và ngày 15/6/2018 nhưng anh L vắng mặt không rõ lý do. Ngày 14/6/2018 nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H nộp đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Hồ Sỹ L và chị Phạm Thị Thu H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Hồ Sỹ L là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Q vào ngày 02/11/2010 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 quyển số 01 -2010) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau và yêu cầu được ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Hồ Sỹ L đến làm việc nhưng anh L đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh L cũng không có văn bản nào thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa anh và chị H nên có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị Phạm Thị Thu H và anh Hồ Sỹ L phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định của Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu Hồ Sỹ H1, sinh ngày 05/8/2011. Hiện nay chị H đang làm công nhân, có thu nhập, có điều kiện kinh tế để nuôi con và thực tế từ trước đến nay là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Tại bản tự khai gửi Tòa án cháu Hồ Sỹ H1 cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Anh L vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu về nuôi con của chị H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em sau khi ly hôn cần giao con chung tên Hồ Sỹ H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Hồ Sỹ L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Hồ Sỹ L (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 quyển số 01 -2010 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Q cấp ngày 02/11/2010).

2. Về con chung: Buộc anh Hồ Sỹ L giao cháu Hồ Sỹ H1, sinh ngày 05/8/2011 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị Thu H và anh Hồ Sỹ L đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0018820 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh B (1);
- VKSND thị xã D (1);
- Chi cục THADS thị xã D (1);
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm